

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 03 năm 2023
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lữ Đình Tính.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trịnh Thị Oanh.

2. Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023 tại phòng xử án, Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 491/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm: 1984 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Anh T2, sinh năm: 1983 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa chị Trần Thị D trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Anh T2 sống chung với nhau từ năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận kết hôn số 112, quyển số 02 ngày

22/12/2006. Sau khi cưới nhau vợ chồng tôi sống chung hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng tính cách vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm nhiều trong cuộc sống, khi có mâu thuẫn Anh T2 ít nói không chịu giải quyết rõ ràng nên dần dần mâu thuẫn của vợ chồng tích tụ lại càng nhiều dẫn đến việc tôi không còn tình cảm với anh ấy. Do sống chung không hạnh phúc nên tôi cũng có dọn ra ở riêng được một thời gian nhưng gia đình hai bên hòa giải, khuyên ngăn nhiều và vì các con nên tôi đã quay về chung sống với anh ấy. Tuy nhiên, cuộc sống chung của chúng tôi vẫn không hạnh phúc nên từ năm 2021 cho đến nay, mâu thuẫn của vợ chồng tôi ngày càng trầm trọng, tuy còn sống chung một nhà nhưng chúng tôi ai biết phần người đó, không quan tâm, chăm sóc gì nhau nữa. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa không còn cơ hội để quay về đoàn tụ nên tôi có nguyện vọng đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Anh T2.

- Về con chung: Chị Trần Thị D xác nhận vợ chồng anh chị trong thời gian chung sống có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh Q, sinh ngày 21/4/2008 và cháu Nguyễn Thị Thanh B, sinh ngày 18/12/2013. Nguyện vọng của chị D là xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thanh B và giao cháu Nguyễn Anh Q cho Anh T2 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị D xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận phân tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Anh T2 trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân và con chung: Anh T2 thừa nhận lời trình bày của chị D về thời gian chung sống kết hôn, con chung là hoàn toàn đúng thực tế. Theo Anh T2 trong quá trình chung sống vợ chồng anh cũng có nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh ít nói nên quan tâm đến vợ con theo cách khác, anh cứ im lặng nên chị D không hiểu anh, lúc cãi nhau anh cũng ít nói không giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng rõ ràng nên dần dần mâu thuẫn tích tụ lại nhiều hơn do và càng ngày vợ chồng càng không hiểu nhau. Từ cuối năm 2021 cho đến nay mâu thuẫn của vợ chồng anh trở nên trầm trọng hơn, vợ chồng tuy còn sống chung một nhà nhưng rất ít khi nói chuyện với nhau, anh vẫn quan tâm đến gia đình và mong muốn chị D cho anh thêm cơ hội thay đổi để vợ

chồng tiếp tục chung sống với nhau cùng nhau nuôi dạy các con nhưng chị D không đồng ý. Hiện nay chị D có nguyện vọng muốn được ly hôn với anh thì anh không muốn gia đình tan vỡ để con cái thiếu thốn tình cảm của cha mẹ và anh vẫn còn tình cảm với vợ nên anh không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Nguyện vọng của anh T2 về con chung nếu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi vì anh không muốn hai anh em phải sống xa nhau. Nếu được nuôi cả hai con chung anh T2 không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng tiền nuôi chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Anh T2 xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận phần tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Trần Thị D vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh Nguyễn Anh T2, xin nuôi cháu B và giao cháu Q cho Anh T2 nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Anh T2 giữ nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn với chị Trần Thị D. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc trình bày quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng như sau: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ quy định của BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Anh T2.

Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Thị Thanh B, sinh ngày 18/12/2013 cho chị Trần Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Giao con chung cháu Nguyễn Anh Q, sinh ngày 21/4/2008 cho anh Nguyễn Anh T2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến lúc cháu Qcháu Q đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự có mặt tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2022, HĐXX xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Tại thời điểm chị Trần Thị D làm đơn khởi kiện, bị đơn anh Nguyễn Anh T2 cư trú tại: Thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị D và anh Nguyễn Anh T2 sống chung với nhau từ năm 2006 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 22/12/2006. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận.

Tuy nhiên sau khi cưới đến năm 2016 chị Trần Thị D và anh Nguyễn Anh T2 sống chung với nhau không hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, tính cách anh T2 im lặng nên khi xảy ra mâu thuẫn tranh chấp, cãi vã anh chị không nói rõ ràng để giải quyết vì vậy mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng và anh chị ngày càng xa cách nhau, dẫn đến chị D không còn tình cảm với anh T2 nữa. Vợ chồng anh chị từ năm 2021 cho đến nay tuy còn sống chung một nhà nhưng giống như đã sống ly thân, ai biết bổn phận người đó, không quan tâm chăm sóc gì nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án chị D trình bày hiện tại vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa, mâu thuẫn của vợ chồng đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, chị không còn tình cảm với Anh T2 nữa nên chị có nguyện vọng muốn được ly hôn

với anh Nguyễn Anh T2, còn anh T2 thì thừa nhận vợ chồng anh chị có mâu thuẫn nhưng anh còn tình cảm với chị D nên không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Trần Thị D và anh Trần Anh T2 nảy sinh từ năm 2016 và đã trở nên trầm trọng, vợ chồng tuy còn sống chung nhà nhưng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau từ năm 2021 cho đến nay, Tòa án đã hòa giải nhưng chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn với anh T2. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy anh chị sống chung với nhau có phát sinh mâu thuẫn và cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị D và anh Nguyễn Anh T2 không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn cơ hội quay về đoàn tụ nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị D, cho chị Trần Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Anh T2.

+ Về con chung: Chị Trần Thị D và anh Nguyễn Anh T2 có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh Q, sinh ngày 21/4/2008 và cháu Nguyễn Thị Thanh B, sinh ngày 18/12/2013. Chị Trần Thị D có nguyện vọng xin được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B và giao cháu Q cho Anh T2 chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Anh T2 có nguyện vọng xin được nuôi cả hai con chung. HĐXX xét thấy việc Anh T2 và chị D có nguyện vọng nuôi con chung là chính đáng. Chị Trần Thị D và anh Nguyễn Anh T2 đều có công việc có thu nhập và chỗ ở ổn định. Theo kết quả xác minh tại địa phương thì anh T2, chị D đều có điều kiện đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng cần căn cứ theo nguyện vọng và quyền lợi mọi mặt cuộc sống của các cháu. Cháu Nguyễn Anh Q và cháu Nguyễn Thị Thanh B đều đã đủ 7 tuổi và khi được trình bày nguyện vọng của bản thân muốn sống cùng ai khi ba mẹ ly hôn thì cháu Q có nguyện vọng muốn sống cùng ba còn cháu B muốn sống cùng mẹ. Cháu B là con gái nên việc giao cháu cho mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu hơn. Từ những phân tích nêu trên HĐXX cần áp dụng Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình, giao cháu Nguyễn Thị Thanh B, sinh ngày 18/12/2013 cho chị Trần Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Nguyễn Anh Q, sinh ngày 21/4/2008 cho anh Nguyễn Anh T2 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi 18 là phù hợp.

+ Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Chị Trần Thị D và anh Nguyễn Anh T2 không yêu cầu, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

+ Về tài sản và công nợ chung: Chị Trần Thị D và anh Nguyễn Anh T2 không yêu cầu, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là phù hợp, nên HĐXX cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Buộc chị Trần Thị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Anh T2.

+ Về con chung:

Giao con chung cháu Nguyễn Thị Thanh B, sinh ngày 18/12/2013 cho chị Trần Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Giao con chung cháu Nguyễn Anh Q, sinh ngày 21/4/2008 cho anh Nguyễn Anh T2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

Sau ly hôn người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản. Tuy nhiên, người không trực tiếp nuôi con chung không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

+ Về cấp dưỡng tiền nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

+ Về án phí: Chị Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0016598 ngày 07/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn chị Trần Thị D và anh Nguyễn Anh T2 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS huyện Krông Pắc;
- THADS huyện K;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lữ Đình Tính